TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Dân

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2023/QĐST-HNGĐ ngày 8/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: tổ C, ấp A, xã V, thị xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qúa trình chung sống cả hai không tìm được tiếng

nói chung, bất đồng quan điểm sống nên nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Trần Văn Đ.

- Về con chung: có một con chung Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 24/12/2012, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn Đ không gửi tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị T và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: có một con chung Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 24/12/2012, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, hiện chị T đang nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Trần Văn Đ, tranh chấp giữa chị T và anh Đ là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thùy T, anh Trần Văn Đ.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2012, tuy đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Văn Đ đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn vì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ như chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh Trần Văn Đ có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 24/12/2012. Chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian anh chị không sống chung với nhau, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bản thân cháu Q cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Do đó, để ổn định và đảm bảo quyền lợi ích mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho chị D được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị T trình bày thì chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Văn Đ không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này chị T và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Văn Đ có 01 (một) con chung Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 24/12/2012.

Chị Nguyễn Thị Thùy T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 24/12/2012.

Anh Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Thùy T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004319 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Nguyễn Thị Thùy T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Trần Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND H. Châu Thành
- Chi cục Thi hành án DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Bích